

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST

Ngày: 24-7-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1099/2023/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần P; địa chỉ: Tầng H, tòa nhà S, số G đường Q, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Xuân C, sinh năm 1983; địa chỉ: B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2023); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Viết Quốc T-Luật sư của Văn phòng Luật sư Ngô Viết thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định-Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đ là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Công ty Cổ phần P, tại các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Võ Xuân C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 29 tháng 01 năm 2018, Công ty Cổ phần Đ1, nay là Công Ty Cổ Phần P và Công ty Cổ Phần Đ ký Hợp đồng tiếp thị và phân phối độc quyền Dự án Khu Dân Cư V số 2901/2018/HĐĐT&PPĐQ/ĐT-ĐXNT về việc phân phối và bán sản phẩm thuộc dự án Khu dân cư V tại địa chỉ phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trong đó, Công Ty Cổ Phần Đ đồng ý giao và Công Ty Cổ Phần P đồng ý nhận thực hiện dịch vụ phân phối độc quyền đất nền thuộc Dự án Khu Dân Cư V. Công Ty Cổ Phần Đ cung cấp cho Công Ty Cổ Phần P chỉ tiêu phân phối bán các sản phẩm của dự án và Công Ty Cổ Phần P bằng trách nhiệm và chi phí của mình sẽ thực hiện chỉ tiêu được Công Ty Cổ Phần Đ giao bán 100 lô trong vòng 03 tháng kể từ ngày mở bán. Việc phân phối bán lô đất nền được xem là “phân phối thành công” khi các điều kiện sau được đáp ứng: Khách hàng đã ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán nhà hình thành trong tương lai/hợp đồng mua bán nhà hình thành trong tương lai với Công Ty Cổ Phần Đ; khách hàng đã thanh toán tiền đợt 1 theo quy định tại hợp đồng nguyên tắc mua bán nhà hình thành trong tương lai. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng trên, Công Ty Cổ Phần Đ ủy quyền cho Công Ty Cổ Phần P thu hộ khoản tiền đặt mua của khách hàng là 50.000.000 đồng/01 lô đất giao dịch. Theo định kỳ sau 17 giờ đến 18 giờ mỗi ngày trong toàn bộ thời gian bán hàng, Công Ty Cổ Phần P phải báo cáo cho Công Ty Cổ Phần Đ số lượng khách hàng đã đặt mua trong ngày. Và sau đó trong vòng 36 giờ thì Công Ty Cổ Phần P phải chuyển tiền khách hàng đặt mua vào Tài khoản chung của hai Công ty. Nếu khách hàng không ký hợp đồng với Công Ty Cổ Phần Đ thì khách hàng sẽ mất khoản đặt mua và mỗi bên được hưởng 50% số tiền này. Sau khi hoàn thành bán hàng và đối chiếu kết quả bán hàng thì Công Ty Cổ Phần P đã yêu cầu Công Ty Cổ Phần Đ thanh toán các khoản phí dịch vụ phân phối độc quyền. Tuy nhiên, sau nhiều lần Công Ty Cổ Phần P yêu cầu thanh toán thì Công Ty Cổ Phần Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị còn lại cho Công Ty Cổ Phần P. Công Ty Cổ Phần Đ2 mới thanh toán một phần phí dịch vụ phân phối độc quyền. Khoản tiền phí dịch vụ còn lại chưa thanh toán tương ứng với số tiền 2.297.905.370 đồng, cho đến nay Công Ty Cổ Phần Đ vẫn chưa thanh toán cho Công Ty Cổ Phần P. Công Ty Cổ Phần P đã nhiều lần gửi thư yêu cầu Công Ty Cổ Phần Đ thanh toán khoản tiền phí dịch vụ còn lại và yêu cầu hai bên có cuộc họp bàn về vấn đề này. Tuy nhiên Công Ty CP Đ vẫn không đồng ý và không thanh toán cho Công Ty Cổ Phần P theo đúng quy định tại Hợp đồng. Tại đơn khởi kiện Công ty Cổ phần P yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán cho Công ty Cổ phần P

toàn bộ Phí dịch vụ là 2.297.905.370 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 6.9%/năm tính từ ngày 01/02/2019 cho đến ngày 30/6/2022 thành tiền là 540.826.194 đồng. Tổng cộng là 2.838.731.564 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu thanh toán phí dịch vụ môi giới đối với hai lô đất bán cho ông Đoàn Ngọc S, chỉ yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Đ thanh toán số tiền 2.076.996.280 đồng và tiền lãi phát sinh là 488.833.878 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần P.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ không trình bày ý kiến đối với việc giải quyết vụ án và không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu. Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần P. Căn cứ các điều 85, 87 của Luật Thương mại; các điều 515, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015, bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần P tổng số tiền còn nợ là 2.565.830.158 đồng, trong đó nợ gốc 2.076.996.280 đồng và nợ lãi là 488.833.878 đồng. Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Cổ phần P khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ từ hợp đồng ủy quyền phân phối sản phẩm và cả hai công ty đều có đăng ký kinh doanh, thực hiện hợp đồng vì mục đích lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dịch vụ phân phối sản phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty Đ có trụ sở tại huyện T, tỉnh Bình Định nên theo điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ phần Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần Đ vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Hợp đồng tiếp thị và phân phối độc quyền dự án khu dân cư V số 2091/2018/HĐTT&PPĐQ-ĐXNT ngày 29 tháng 01 năm 2018 mà Công Ty Cổ Phần P xuất trình có chữ ký của ông Lê Văn B là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ và con dấu của Công ty Cổ phần Đ. Nội dung hợp đồng không thể hiện phân phối đất nền số lượng cụ thể bao nhiêu và đơn giá hàng hóa như thế nào mà được viện dẫn theo các phụ lục hợp đồng kèm theo. Theo đó có tất cả 03 phụ lục; phụ lục thứ nhất phân phối 100 lô đất nền, phụ lục thứ 02 điều chỉnh đơn giá bán 01 số lô của phụ lục thứ nhất và phụ lục thứ 03 bổ sung thêm 33 lô đất. Theo nội dung hợp đồng phân phối, nếu bên bán bán được đất thì được hưởng 05% giá trị sản phẩm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, giữa công ty P và Công ty Cổ phần Đ có tổng cộng 06 lần đối chiếu phí dịch vụ (công nợ), trong đó bao gồm: Tháng 5 năm 2018, Công Ty Cổ Phần P bán được 51 lô đất nền và Công ty Cổ phần Đ phải trả số tiền phí môi giới là 3.165.615.736 đồng; trong tháng 6 năm 2018, Công Ty Cổ Phần P bán được 22 lô đất nền và Công ty Cổ phần Đ phải trả phí môi giới là 1.252.439.071 đồng; trong tháng 8 năm 2018, Công Ty Cổ Phần P bán được 13 lô đất nền và Công ty Cổ phần Đ phải trả phí môi giới là 876.069.027 đồng; trong tháng 9 năm 2018, Công Ty Cổ Phần P bán được 03 lô đất nền và Công ty Cổ phần Đ phải trả phí môi giới là 161.538.023 đồng; trong tháng 10 năm 2018, Công Ty Cổ Phần P bán được 12 lô đất nền và Công ty Cổ phần Đ phải trả phí môi giới là 1.488.086.290 đồng; trong tháng 11 năm 2018, Công Ty Cổ Phần P bán được 01 lô đất nền và Công ty Cổ phần Đ phải trả phí môi giới là 58.255.000 đồng. Như vậy tổng giá trị Công ty Cổ phần Đ đã tiến hành đối chiếu và xác nhận phải thanh toán cho Công Ty Cổ Phần P là 7.002.003.147 đồng.

[4] Đối với 16 lô đất nền còn lại, giữa Công Ty Cổ Phần P và Công ty Cổ phần Đ chưa tiến hành đối chiếu phí dịch vụ. Tại phiên tòa, Công Ty Cổ Phần P rút yêu cầu thanh toán phí dịch vụ đối với việc bán 02 lô đất cho ông Lê Hồng C1. Đối với 14 lô đất còn lại giữa hai công ty không tiến hành đối chiếu phí nhưng thông qua các giấy ủy nhiệm chi mà Công Ty Cổ Phần P xuất trình tại phiên tòa thể hiện Công Ty Cổ Phần P chuyển vào tài khoản chung của hai công ty số tiền khách hàng đã mua đất của Công ty Cổ phần Đ. Đối chiếu với phụ lục hợp đồng đây là những lô đất mà Công ty Cổ phần Đ yêu cầu Công Ty Cổ Phần P thực hiện dịch vụ chuyển nhượng. Do đó, theo quy định tại Hợp đồng, Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán phí môi giới cho Công Ty Cổ Phần P theo nội dung các bên đã thỏa thuận là 05% giá trị lô đất, tương đương tổng số tiền 1.030.654.963 đồng.

[5] Như vậy, số tiền phí dịch vụ mà Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Công Ty Cổ Phần P đã qua đối chiếu và chưa đối chiếu là 8.032.658.110 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công Ty Cổ Phần P1 yêu cầu thành toán số tiền 2.076.996.280 đồng và tiền lãi phát sinh là 488.833.878 đồng. Theo các giấy báo có, tổng số tiền Công ty Cổ phần Đ đã thanh toán là 5.955.661.830 đồng và được thanh toán 05 đợt. Như vậy nghĩa vụ còn lại là 2.076.996.280 đồng. Khi đã xác định nghĩa vụ của mình, lẽ ra nếu đã thanh toán cho Công Ty Cổ Phần P thì Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ cung cấp chứng từ đã thanh toán. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo hợp lệ các Văn bản tố tụng để Công ty Cổ phần Đ biết và có ý kiến đối với yêu cầu của Công Ty Cổ Phần P nhưng Công ty Cổ phần Đ không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến cũng như chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ đã thanh toán. Do đó, H xét xử xét thấy căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có căn cứ chứng minh Công ty Cổ phần Đ còn nợ của Công Ty Cổ Phần P số tiền phí dịch vụ chưa thanh toán 2.076.996.280 đồng. Căn cứ các điều 85, 87 của Luật thương mại; các điều 515, 519 của Bộ luật Dân sự, buộc Công ty Cổ phần Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công Ty Cổ Phần P số tiền 2.076.996.280 đồng.

[6] Đối với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả phí dịch vụ, Hội đồng xét xử xét thấy, theo nội dung hợp đồng, khi chậm thực hiện nghĩa vụ thì các bên chịu lãi suất 1,5 lần mức lãi suất huy động tiền gửi Việt Nam đồng kỳ hạn 01 năm của Ngân hàng TMCP N tại thời điểm đối với số tiền chậm thanh toán. Qua đối chiếu, lãi suất của Ngân hàng TMCP N được xác định là 4,6%/năm, tương đương lãi chậm trả các bên phải chịu là 6,9%/năm. Công ty Cổ phần Đ thanh toán số tiền phí dịch vụ lần cuối ngày 30 tháng 01 năm 2019. Như vậy nghĩa vụ chậm thanh toán tính từ ngày 01 tháng 2 năm 2019. Nếu tính đến ngày 01 tháng 02 năm 2023 là 04 năm tương ứng số tiền 2.076.996.280 đồng x 6,9%/năm = 573.250.973 đồng. Tuy nhiên, Công Ty Cổ Phần P1 yêu cầu trả số tiền lãi 488.833.878 đồng là thấp hơn nghĩa vụ Công ty Cổ phần Đ phải thực hiện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho Công Ty Cổ Phần P là $[72.000.000 \text{ đồng} + (565.830.158 \text{ đồng} \times 2\%)] = 83.317.000 \text{ đồng}$ để sung vào công quỹ nhà nước.

[8] Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 85, 87 của Luật Thương mại; các điều 515, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần P tổng số tiền còn nợ là 2.565.830.158 đồng (Hai tỷ năm trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm ba chục nghìn một trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc 2.076.996.280 đồng (Hai tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm tám chục đồng) và nợ lãi là 488.833.878 đồng (Bốn trăm tám mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi tám đồng) .

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải chịu số tiền 83.317.000 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

2.2. Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần P số tiền 44.387.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Công ty Cổ phần P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001448 ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 24 tháng 7 năm 2023). Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Minh